TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN GÒ VẤP** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 957/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 17-8-2020
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Chí

Bà Lê Thị Thanh Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Vy - Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 293/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2020 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 174/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 148/2020/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Thùy M, sinh năm 1995; Địa chỉ: Phường 14, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Cao Sĩ T, sinh năm 1995; Địa chỉ: Phường 14, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 17 tháng 02 năm 2020 và lời khai tại tòa, nguyên đơn bà Võ Thị Thùy M trình bày:

Bà và ông Cao Sĩ T tự nguyện đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân Phường 14, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 146 ngày 12/10/2017. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc về sau vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bất đồng trong cách nuôi dạy con, kinh tế gia đình gặp khó khăn dẫn đến vợ chồng thường hay cãi vã, ông Tkhông quan tâm đến việc xây dựng cuộc sống chung, không chăm sóc cho con, không phụ tiền để bà trang trải cuộc sống, còn hay chửi mắng và đánh bà. Cha mẹ hai bên cũng đã nhiều lần khuyên nhủ, bản thân bà

cũng cố gắng để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng tình hình không cải thiện. Bà và ông Tly thân từ tháng 10 năm 2019 đến nay. Tình cảm không còn, bà yêu cầu được ly hôn với ông Cao Sĩ T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Cao Võ Minh A, sinh ngày 20/4/2018, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu ông Tcấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Cao Sĩ T trình bày:

Ông và bà Võ Thị Thùy M tự nguyện đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân Phường 14, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 146 ngày 12/10/2017. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 4 năm 2019 do ông không có việc làm nên không có thu nhập để lo cho gia đình, từ đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Tháng 10 năm 2019 bà M tự ý dọn đi khỏi nhà đến nay. Hiện nay ông đã có việc làm, có thu nhập nên có thể cùng bà M nuôi dạy con. Ông còn tình cảm với bà M nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Cao Võ Minh A, sinh ngày 20/4/2018, nếu ly hôn ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng vì con đang sống với ông, không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có.

Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (02 lần); Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa; Giấy triệu tập tham gia phiên tòa; tuy nhiên ông Cao Sĩ T vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn bà Võ Thị Thùy M giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với ông Cao Sĩ T; bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Cao Võ Minh A, sinh ngày 20/4/2018; không yêu cầu ông Tcấp cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, nợ chung không có.

Bị đơn ông Cao Sĩ T vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Toà kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn thực hiện đúng, bị đơn không thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn;

Về quan hệ hôn nhân: Bà M yêu cầu ly hôn với ông Tlà có cơ sở để chấp nhận.

Về con chung: Có 01 con chung tên Cao Võ Minh A, sinh ngày 20/4/2018, bà M được trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận việc bà M không yêu cầu ông Tcấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Về án phí: Nguyên đơn chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Võ Thị Thùy M nộp đơn khởi kiện vụ án ly hôn với ông Cao Sĩ T có địa chỉ cư trú tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh nên đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng cho ông Cao Sĩ T theo đúng quy định tại Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông Tvắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu các đương sự:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Thùy M khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Cao Sĩ T.

Do ông Cao Sĩ T không có mặt tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do bà Võ Thị Thùy M cung cấp và do Tòa án thu thập được để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử xét thấy, bà Võ Thị Thùy M và ông Cao Sĩ T tự nguyện đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân Phường 14, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 146 ngày 12/10/2017, như vậy hôn nhân giữa bà M và ông Tlà hợp pháp.

Theo kết quả xác minh của Hội liên hiệp phụ nữ Phường 14, quận G có nội dung quá trình chung sống giữa bà M và ông Tcó phát sinh mâu thuẫn, cãi nhau, có lúc đánh nhau, mỗi lần mâu thuẫn có lúc ba mẹ ông Tnghe được thì có khuyên can, không có báo chính quyền địa phương can thiệp, bà M đã dọn đi đến nhà chị từ tháng 10 năm 2019 đến nay, có 01 con chung Cao Võ Minh A, việc nuôi con chuyển cơ quan chức năng giải quyết theo quy định. Nguyên đơn bà M xác định vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bất đồng trong cách nuôi dạy con, kinh tế gia đình gặp khó khăn dẫn đến thường hay cãi vã, ông Tkhông quan tâm đến việc xây dựng cuộc sống chung, không

chăm sóc cho con, không phụ tiền để bà trang trải cuộc sống, còn hay chửi mắng và đánh bà. Cha mẹ hai bên cũng đã nhiều lần khuyên nhủ, bản thân bà cũng cố gắng để hàn gắn tình cảm nhưng tình hình không cải thiện. Bà và ông Tly thân từ tháng 10 năm 2019 đến nay. Tại bản tự khai ngày 04/6/2020, bị đơn ông Txác định vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 4 năm 2019 do ông không có việc làm nên không có thu nhập để lo cho gia đình, từ đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, tháng 10 năm 2019 bà M tự ý dọn đi khỏi nhà đến nay. Như vậy, cho thấy mục đích hôn nhân giữa bà M và ông Tkhông đạt được, mâu thuẫn giữa đôi bên đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, hạnh phúc gia đình là phải được xây dựng từ sự tự nguyện, từ tình cảm của cả hai phía, bà M khẳng định tình cảm không còn nên việc bà M yêu cầu ly hôn với ông Tlà có cơ sở để chấp nhận. Ông Tkhông đồng ý ly hôn, mong muốn đoàn tụ là không có cơ sở.

[2.2] Về con chung: Có 01 con chung tên Cao Võ Minh A, sinh ngày 20/4/2018, đang sống với ông Trường, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào hợp đồng lao động số 06/2020/HĐLĐ-UNL ngày 26/01/2020 được ký kết giữa bà Võ Thị Thùy M và Công ty Cổ phần Đầu tư bất động sản Uniland thể hiện mức lương chính thức là 10.000.000 đồng, mức thưởng dựa trên hiệu quả công việc là 10.000.000 đồng, như vậy bà M có công việc và thu nhập ổn định. Hơn nữa con chung Cao Võ Minh A, sinh ngày 20/4/2018 (dưới 36 tháng tuổi) nên bà M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là có cở sở để chấp nhận, không chấp nhận yêu cầu của ông Tvề việc yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung theo quy định tại Khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà M không yêu cầu ông Tphải cấp dưỡng nuôi con đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà M và ông Tđều xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Võ Thị Thùy M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí về ly hôn theo quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Thùy M được ly hôn với ông Cao Sĩ T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 146 ngày 12/10/2017 được Ủy ban nhân dân Phường 14, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Võ Thị Thùy M và ông Cao Sĩ T không còn giá trị pháp lý.

Về con chung:

Bà Võ Thị Thùy M trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên Cao Võ Minh A, sinh ngày 20/4/2018. Ông Cao Sĩ T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được cản trở quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung của người không trực tiếp nuôi con. Vì quyền lợi mọi mặt của người con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, hoặc hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

2. Về án phí sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), bà Võ Thị Thùy M phải chịu nhưng được cấn trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0025816 ngày 10/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- UBND P.14, Q.G, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hồng Cúc